

Số: 10/2007/TTLT-BLĐTBXH-
HCCBVN-BTC-BQP

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2007

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh

Căn cứ Pháp lệnh Cựu chiến binh ngày 07 tháng 10 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh (sau đây gọi tắt là Nghị định số 150/2006/NĐ-CP);

Sau khi có ý kiến của các Bộ có liên quan, Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng thống nhất hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 150/2006/NĐ-CP như sau:

I. CỰU CHIẾN BINH

Cựu chiến binh quy định tại Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, nay hướng dẫn làm rõ thêm nội dung quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP là:

Cán bộ, chiến sĩ, dân quân, tự vệ, du kích tập trung (ở Miền Bắc từ vĩ tuyến 17 trở ra, thời gian từ ngày 27 tháng 1 năm 1973 trở về trước, ở Miền Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào, thời gian từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước) là những người đã tham gia chiến đấu ở đơn vị tập trung theo quyết định thành lập hoặc giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận.

II. CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CỰU CHIẾN BINH

1. Chế độ Bảo hiểm y tế đối với Cựu chiến binh theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP

a) Cựu chiến binh thuộc diện nghèo theo chuẩn do Chính phủ quy định; Cựu chiến binh đã tham gia kháng chiến từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước, không thuộc diện bảo hiểm y tế bắt buộc hoặc chưa được hưởng Bảo hiểm y tế theo các chế độ ưu đãi khác thì được Nhà nước cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định hiện hành;

Quyền lợi của người được hưởng chế độ bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định của Điều lệ bảo hiểm y tế ban hành kèm theo Nghị định số 63/2005/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ;

Mức đóng bảo hiểm y tế hàng tháng bằng 3% tiền lương tối thiểu chung do ngân sách Nhà nước đảm bảo.

b) Hồ sơ, thủ tục xét hưởng chế độ bảo hiểm y tế (lập thành 02 bộ hồ sơ).

- Cá nhân đề nghị hưởng chế độ bảo hiểm y tế.

Làm bản khai đề nghị hưởng chế độ Bảo hiểm y tế thuộc đối tượng theo quy định tại Nghị định số 150/2006/NĐ-CP (mẫu 1a);

- Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức.

+ Hội Cựu chiến binh cấp xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) tiếp nhận bản khai của cá nhân Cựu chiến binh, chủ trì phối hợp với cơ quan, đoàn thể có liên quan ở địa phương thẩm định, xác nhận và lập danh sách báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp;

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra và ký công văn đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với Cựu chiến binh gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (hoặc Phòng Nội vụ - Lao động - Thương binh và Xã hội) huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện); (mẫu 2a, kèm theo danh sách mẫu 4a);

+ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chủ trì phối hợp với Hội Cựu chiến binh cùng cấp thẩm định tổng hợp danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét duyệt ký công văn gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); (mẫu 3a, kèm theo danh sách mẫu 4a);

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Hội Cựu chiến binh cùng cấp tổng hợp, lập danh sách trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh duyệt ký quyết định hưởng chế độ bảo hiểm y tế; (Danh sách theo mẫu 5a, quyết định mẫu 6a);

+ Căn cứ quyết định hưởng chế độ bảo hiểm y tế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính bảo đảm kinh phí để mua thẻ bảo hiểm y tế; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội mua và cấp thẻ bảo hiểm y tế kịp thời cho Cựu chiến binh;

+ Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Tài chính giám sát việc thực hiện mua, cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với Cựu chiến binh theo đúng quy định của pháp luật;

+ Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thống nhất với Hội Cựu chiến binh cùng cấp chỉ đạo các cấp thuộc quyền xây dựng kế hoạch phối hợp thực hiện việc rà soát điều chỉnh danh sách báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định hưởng chế độ bảo hiểm y tế đối với Cựu chiến binh.

2. Chế độ mai táng phí theo quy định tại khoản 8 Điều 5 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP

a) Cựu chiến binh đã tham gia kháng chiến từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước, khi từ trần nếu không thuộc diện hưởng chế độ mai táng phí theo Pháp lệnh Người có công và Luật Bảo hiểm xã hội thì người tổ chức mai táng được hưởng tiền mai táng phí theo quy định của pháp luật hiện hành;

Mức trợ cấp tiền mai táng phí thực hiện như các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định hiện hành (10 tháng lương tối thiểu) do ngân sách Nhà nước đảm bảo.

b) Hồ sơ, thủ tục xét hưởng chế độ mai táng phí (lập thành 02 bộ hồ sơ).

- Thân nhân người chết làm bản khai đề nghị hưởng chế độ mai táng phí gửi Hội Cựu chiến binh cấp xã (mẫu 1b).

- Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức.

+ Trường hợp người chết không còn thân nhân thì cơ quan, tổ chức, đơn vị đứng ra tổ chức mai táng làm bản khai đề nghị hưởng chế độ mai táng phí gửi Hội Cựu chiến binh cấp xã (mẫu 1b);

+ Hội Cựu chiến binh cấp xã xác nhận lập danh sách báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp;

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào báo cáo của Hội Cựu chiến binh và giấy khai tử để ký công văn đề nghị hưởng chế độ mai táng phí gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện (mẫu 2b, kèm theo danh sách mẫu 4b);

+ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện chủ trì phối hợp với Hội Cựu chiến binh cùng cấp tổng hợp lập danh sách đề nghị hưởng chế độ mai táng phí báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký công văn gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh (mẫu 3b, danh sách mẫu 4b);

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp tỉnh chủ trì phối hợp với Hội Cựu chiến binh cùng cấp tổng hợp, lập danh sách đề Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ký quyết định hưởng chế độ mai táng phí (Danh sách mẫu 5b, quyết định mẫu 6b);

+ Sở Tài chính bảo đảm nguồn kinh phí; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện chi trả mai táng phí cho thân nhân hoặc đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Tổ chức tang lễ khi Cựu chiến binh qua đời theo quy định tại khoản 8 Điều 5 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP

a) Cựu chiến binh và hội viên Hội Cựu chiến binh khi chết được chính quyền, cơ quan, đơn vị, đoàn thể địa phương phối hợp với Hội Cựu chiến binh và gia đình tổ chức tang lễ.

b) Nghi thức, phân cấp tổ chức lễ tang căn cứ vào Nghị định số 62/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 114/2005/TTLT- BQP-BNV ngày 01 tháng 8 năm 2005 của Liên Bộ Quốc phòng - Bộ Nội vụ hoặc vận dụng theo điều kiện cụ thể của địa phương để tổ chức cho phù hợp.

4. Chế độ phụ cấp đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP

a) Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tổ chức Hội Cựu chiến binh cấp trên cơ sở đặt tại Đảng uỷ khối cơ quan cấp tỉnh được biên chế cán bộ chuyên trách công tác Hội, trường hợp không bố trí được cán bộ chuyên trách công tác Hội thì cán bộ kiêm nhiệm công tác Hội được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 10% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và thâm niên vượt khung (nếu có). Đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh trong cơ quan, tổ chức, đơn vị ở Trung ương và địa phương kiêm nhiệm công tác Hội thì mức phụ cấp đối với Chủ tịch bằng 7%, Phó chủ tịch bằng 5% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và thâm niên vượt khung (nếu có).

b) Phụ cấp kiêm nhiệm được chi trả cùng kỳ lương hàng tháng không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế;

Khi thôi làm công tác Hội Cựu chiến binh thì từ tháng tiếp theo thôi hưởng phụ cấp kiêm nhiệm.

5. Chế độ trợ cấp khi thôi làm công tác Hội theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP

a) Đối tượng hưởng trợ cấp khi thôi làm công tác Hội.

Cựu chiến binh thuộc diện đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp bệnh binh hàng tháng khi thôi làm công tác Hội được hưởng chế độ trợ cấp bao gồm:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam được Ban chấp hành bầu;

Cựu chiến binh được bổ nhiệm, tuyển dụng, điều động trong biên chế làm việc tại cơ quan Trung ương Hội Cựu chiến binh và các đơn vị trực thuộc cơ quan Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh được Ban chấp hành bầu;

Cựu chiến binh được bổ nhiệm, tuyển dụng, điều động trong biên chế, làm việc tại cơ quan Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh.

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp huyện được Ban chấp hành bầu;

Cựu chiến binh được bổ nhiệm, tuyển dụng, điều động trong biên chế làm việc tại cơ quan Hội Cựu chiến binh cấp huyện.

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã được Ban chấp hành bầu.

b) Cách tính trợ cấp khi thôi làm công tác Hội.

- Đối với người hưởng lương:

$$\text{Trợ cấp được hưởng} = \frac{\text{Lương + phụ cấp chức vụ hiện lĩnh hàng tháng (nếu có) tại cấp Hội công tác}}{2} \times \text{Số năm công tác}$$

- Đối với người hưởng phụ cấp (Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã, phường, thị trấn):

$$\text{Trợ cấp được hưởng} = \frac{\text{Phụ cấp hiện lĩnh hàng tháng ở địa phương}}{2} \times \text{Số năm công tác}$$

c) Thời gian làm công tác Hội để tính trợ cấp là tổng thời gian làm việc liên tục kể từ khi được bầu, bổ nhiệm, tuyển dụng, điều động đến khi có quyết định thôi làm công tác Hội.

d) Lương và phụ cấp để tính chi trả trợ cấp khi thôi làm công tác Hội là mức lương và phụ cấp hiện lĩnh của tháng cuối cùng tại cấp Hội Cựu chiến binh nơi đang công tác trước khi nghỉ công tác Hội.

đ) Thủ tục, thẩm quyền ra quyết định thôi làm công tác Hội để chi trả trợ cấp đối với Cựu chiến binh các cấp thực hiện như sau:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam do cấp có thẩm quyền quyết định thôi làm công tác Hội sau khi có ý kiến của Đảng đoàn Cựu chiến binh và nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Hội;

Cựu chiến binh làm công tác Hội tại cơ quan Trung ương Hội và các đơn vị trực thuộc cơ quan Trung ương Hội căn cứ ý kiến của Thường vụ Đảng Ủy cơ quan Trung ương Hội, ý kiến của Đảng đoàn, Chủ tịch Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam quyết định thôi làm công tác Hội.

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh căn cứ vào ý kiến của tỉnh ủy, thành ủy, ý kiến Đảng đoàn và của Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, Chủ tịch Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam quyết định thôi làm công tác Hội;

Cựu chiến binh làm công tác Hội ở cơ quan Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, căn cứ ý kiến Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh ra quyết định thôi làm công tác Hội.

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp huyện, căn cứ vào ý kiến của cấp ủy địa phương, ý kiến của Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp huyện, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh quyết định thôi làm công tác Hội;

Cựu chiến binh làm công tác Hội ở cơ quan Hội Cựu chiến binh cấp huyện, căn cứ vào ý kiến của cấp ủy, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp huyện quyết định thôi làm công tác Hội.

- Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã, căn cứ vào ý kiến của Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp xã, ý kiến của cấp ủy, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp huyện quyết định thôi làm công tác Hội.

e) Các cấp Hội Cựu chiến binh có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi làm công tác Hội cho cán bộ cấp mình quản lý khi Cựu chiến binh có quyết định thôi làm công tác Hội.

6. Nguồn kinh phí bảo đảm chế độ

a) Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế, trợ cấp mai táng phí cho Cựu chiến binh do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành;

b) Kinh phí trợ cấp cho Cựu chiến binh khi thôi làm công tác Hội Cựu chiến binh từ nguồn ngân sách theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

III. LẬP DỰ TOÁN, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CỰU CHIẾN BINH

1. Căn cứ chính sách, chế độ đối với Cựu chiến binh quy định tại Nghị định số 150/2006/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này, hàng năm Hội Cựu chiến binh các cấp, Hội Cựu chiến binh trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp lập dự toán kinh phí bảo đảm chế độ, chính sách đối với Cựu chiến binh

vào dự toán kinh phí hàng năm gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp vào dự toán ngân sách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc phân bổ dự toán, báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện chế độ đối với Cựu chiến binh thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo; chế độ mai táng phí, chế độ trợ cấp khi thôi làm công tác Hội đối với Cựu chiến binh được thực hiện từ khi Nghị định số 150/2006/NĐ-CP có hiệu lực thi hành; chế độ bảo hiểm y tế thực hiện từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Các Bộ, Ngành, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các địa phương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Liên bộ để nghiên cứu, xem xét giải quyết.

KT. CHỦ TỊCH
HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Phạm Hữu Bồng

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG
(Đã ký)

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI
THỨ TRƯỞNG
(Đã ký)

Bùi Hồng Lĩnh

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ QUỐC PHÒNG
THỨ TRƯỞNG
THƯỢNG TƯỚNG
(Đã ký)

Nguyễn Huy Hiệu

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Hội Cựu chiến binh các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính; Sở LĐTB&XH, KBNN tỉnh, TP trực thuộc TW; Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh;

- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ LĐTB&XH, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng;
- Lưu: VT Bộ LĐTB&XH, Hội CCBVN, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng.